

Số: 188 /ĐT
V/v: Thông báo tuyển sinh
đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2021

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2021

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUẨN

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh

1.1.1. Khoa Công nghệ Thông tin, các chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, An toàn thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng hoặc thi các môn

- + Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- + Môn thi cơ sở: Tin học cơ sở
- + Môn thi ngoại ngữ: Tiếng Anh

1.1.2. Khoa Điện tử - Viễn thông, các chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng hoặc thi các môn

- + Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- + Môn thi cơ sở: Kỹ thuật điện tử số
- + Môn thi ngoại ngữ: Tiếng Anh

1.1.3. Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa, các chuyên ngành: Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng hoặc thi các môn

- + Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- + Môn thi cơ sở: Cơ học ứng dụng
- + Môn thi ngoại ngữ: Tiếng Anh

1.1.4. Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện nano.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng hoặc thi các môn

- + Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- + Môn thi cơ sở: Khoa học vật liệu đại cương
- + Môn thi ngoại ngữ: Tiếng Anh

1.2. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng (hoặc phù hợp) với chuyên ngành đăng ký dự thi; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành có chuyên ngành đăng ký dự thi, đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành có chuyên ngành dự thi (tham khảo Phụ lục 4).

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.
- Đối với chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, văn bằng đại học phải là văn bằng chương trình đào tạo chính quy.

1.3. Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Chuyên ngành Khoa học máy tính (Ngành Khoa học Máy tính)

Điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã trúng tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn chuyên ngành Khoa học máy tính.
- Có cam kết tham gia khóa học theo hình thức tập trung.

3. XÉT TUYỂN THĂNG

3.1. Điều kiện xét tuyển thăng

- Về bằng tốt nghiệp trình độ đại học: đáp ứng một trong các yêu cầu sau:
 - + Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các chương trình đào tạo sau đây của ĐHQGHN: tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư), các CTĐT đã được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín (AUN-QA, ABET...) hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (đối với khóa tuyển sinh còn trong thời hạn, danh sách các chương trình đào tạo xem tại Phụ lục 3).
 - + Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các chương trình đào tạo chuẩn của ĐHQGHN.
- Về năng lực ngoại ngữ: thí sinh nộp minh chứng về trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo tại thời điểm nộp hồ sơ. Đối với chương trình đào tạo yêu cầu năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thí sinh chưa có minh chứng về trình độ ngoại ngữ có thể đăng ký dự thi môn Ngoại ngữ trong cùng đợt thi tuyển sinh vào ngày 12/09/2021 (việc đăng ký và tổ chức thi môn Ngoại ngữ thực hiện theo quy định hiện hành của ĐHQGHN).
- Các yêu cầu khác đối với từng chương trình đào tạo theo yêu cầu của đơn vị đào tạo.

3.2. Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:
 - + Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.
 - + Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.
- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm.

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

Ghi chú: Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng.

3.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

- 01 Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học.
- 01 Bản sao công chứng bằng điểm đại học.
- 01 Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bậc đại học.
- 01 Danh mục các công trình nghiên cứu khoa học (giải thưởng, bài báo...nếu có).
- 01 phiếu đăng ký dự thi tuyển sinh bậc thạc sĩ đợt 2 năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ.
- 01 Sơ yếu lý lịch.

3.4. Thời gian thu nhận hồ sơ

- Thời gian đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN: **từ 8h00 ngày 26/04/2021 đến 17h00 ngày 27/08/2021.**
- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN: **8h00 ngày 26/04/2021 đến 17h00 ngày 27/08/2021.**

Ghi chú: Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng ngoài việc đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN còn phải nộp đầy đủ hồ sơ bản cứng tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ.

3.5. Phương thức xét tuyển thẳng:

- Hội đồng chuyên môn đánh giá hồ sơ đăng ký dự thi dựa trên:
 - + Chương trình đào tạo bậc đại học phù hợp với điều kiện xét tuyển.
 - + Kết quả học tập trình độ đại học.
 - + Năng lực ngoại ngữ (theo yêu cầu của chương trình đào tạo mà thí sinh dự tuyển).
 - + Năng lực nghiên cứu khoa học (nếu có).

3.6. Thời gian xét tuyển thẳng: từ ngày 30/08/2021 ÷ 01/09/2021

3.7. Thời gian thông báo kết quả: ngày 06/09/2021

4. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao của ĐHQGHN.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài.
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: bậc 3 đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn ĐHQGHN, bậc 4 đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng, bậc 5 đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn quốc tế. Chứng chỉ

có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ và được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 1, 2).

5. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

5.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh THPT quốc gia hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1.
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
- Con liệt sĩ.
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản hoặc 15 điểm (thang điểm 150) cho môn thi đánh giá năng lực.

6. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 100 học viên

STT	Chuyên ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu dành cho xét tuyển thẳng
1.	Khoa học máy tính	25	10
2.	Kỹ thuật phần mềm	15	6
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	2
4.	An toàn thông tin	5	2
5.	Hệ thống thông tin	15	6
6.	Kỹ thuật điện tử	10	4
7.	Kỹ thuật viễn thông	10	4
8.	Cơ kỹ thuật	5	2
9.	Kỹ thuật cơ điện tử	5	2
10.	Vật liệu và linh kiện nano	5	2
	Tổng	100	40

7. ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ

7.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí

sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong đợt 2 năm 2021. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

- Thời gian đăng kí: **8h00 ngày 26/04/2021 đến 17h00 ngày 27/08/2021.**

7.2. Thời gian thi

- Thời gian thi: các ngày **11 và 12/09/2021.**
- Lịch chi tiết:

Công việc	Thời gian
Tập trung thí sinh, thi bài thi Đánh giá năng lực	Sáng thứ Bảy, 11/09/2021
Thi môn Cơ sở	Chiều thứ Bảy, 11/09/2021
Thi môn Ngoại ngữ	Sáng Chủ nhật, 12/09/2021

7.3. Lệ phí

- Lệ phí: 420.000đ/thí sinh (áp dụng cho cả thí sinh xét tuyển thẳng).
- Phương thức nộp tiền: thí sinh có thể chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Công nghệ hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường Đại học Công nghệ.
- Thông tin chuyển tiền:
 - + Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN
 - + Số TK: 21510000214781 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội
 - + Nội dung chuyển khoản: Họ tên thí sinh_Ngày sinh_TS SDH đợt 2_2021.
- Địa chỉ nộp tiền mặt: P.101A – Phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

8. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Thời gian công bố kết quả thi:** trước 17h00 ngày 28/09/2021.
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm.
- **Hình thức đào tạo:** chính qui

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Phòng 105-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7810

Email: daotaosdh_dhcn@vnu.edu.vn

Website: <http://uet.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh.

<https://www.facebook.com/tuyensinh.saudaihoc.dhcn>

Trân trọng thông báo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, TH.50.

(đã ký)

Nguyễn Việt Hà

Phụ lục 1

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHQGHN

(Kèm theo công văn số 188 /ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	KET (Distinction 140) PET (Pass 140) FCE (Level B1 - 140)	Preliminary	40	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	KET (Distinction 160) PET (Pass 160) FCE (Level B2 - 160)	Vantage	60	VSTEP.3-5 (6.0)

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số thứ tiếng khác (Bậc 3 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Ngôn ngữ	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Mức điểm yêu cầu	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD B1, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST Q3 J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

**Phụ lục 2 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận
trong tuyển sinh thạc sĩ tại ĐHQGHN**

(Kèm theo công văn số 188 /ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

1. Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

(*) Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary	BULATS
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√			
2.	British Council (BC)	√					
3.	International Development Program (IDP)	√					
4.	Cambridge ESOL	√			√	√	√

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
		TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD B1, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST Q3 J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Japan Foundation (JLPT)					√	
6.	Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)						√

Phụ lục 3

Danh sách các chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ), đã được kiểm định (còn thời hạn) của Trường ĐHCN

(Kèm theo công văn số 188/ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

1. Các CTĐT chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ)

STT	Chương trình đào tạo	Loại hình đào tạo
1.	Khoa học máy tính	Chuẩn quốc tế
2.	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
3.	Công nghệ thông tin	Chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ)

Danh sách gồm 03 CTĐT.

2. Các CTĐT đã được kiểm định (còn thời hạn)

STT	CTĐT	Tổ chức kiểm định	Năm kiểm định
1.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2018

Danh sách gồm 01 CTĐT./.

Phụ lục 4 – Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các học phần bổ sung kiến thức dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo công văn số 188/ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Ngành đúng	Danh sách ngành phù hợp	Ngành gần		
				Tên ngành gần	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1.	An toàn thông tin	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
2.	Kỹ thuật Phần mềm	Kỹ thuật Phần mềm	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở Toán học cho Tin học); Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở toán cho tin học); Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3

TT	Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Ngành đúng	Danh sách ngành phù hợp	Ngành gần		
				Tên ngành gần	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
4.	Hệ thống Thông tin	Hệ thống Thông tin	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm Tin học; Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở toán cho tin học); Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
5.	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính	Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở Toán học cho Tin học); Hệ thống thông tin quản lý; Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
6.	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điện, điện tử.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Vật lý kỹ thuật; Vật lý học (chuyên ngành Vật lý vô tuyến và điện tử); Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Kỹ thuật điện tử), Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật hàng không.	- Điện tử tương tự - Điện tử số - Xử lý tín hiệu số	3 3 4
7.	Kỹ thuật viễn thông	Công nghệ kỹ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử,	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ	- Điện tử tương tự	3 3

TT	Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Ngành đúng	Danh sách ngành phù hợp	Ngành gần		
				Tên ngành gần	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
		thuật điện tử-viễn thông	truyền thông; Kỹ thuật điện, điện tử.	thuật máy tính; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Vật lý học (chuyên ngành Vật lý vô tuyến và điện tử); Truyền thông và Mạng máy tính; Kỹ thuật Hàng không.	- Điện tử số - Xử lý tín hiệu số	4
8.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ-điện tử.	Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật hàng không; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Vật lý kỹ thuật; Toán học; Toán cơ; Vật lý học; Khoa học vật liệu; Công nghệ hạt nhân; Toán tin ứng dụng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khí tượng học; Hải dương học; Thủy văn.	- Cơ học môi trường liên tục - Cơ học vật rắn biến dạng - Cơ học chất lỏng - Nhập môn cơ điện tử	2 2 2 2
9.	Kỹ thuật Cơ điện tử	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	Kỹ thuật cơ điện tử; Cơ kỹ thuật; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật hàng không; Vật lý kỹ thuật; Vật lý học.	- Công nghệ chế tạo máy - Vi xử lý và vi điều khiển - Cơ sở kỹ thuật điện	3 3 2
10.	Vật liệu và Linh kiện Nano		Vật lý kỹ thuật; Vật lý học; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật hạt nhân; Sơ phạm Vật lý; Hóa học; SP Hóa học; Kỹ thuật hoá học; Kỹ thuật vật liệu kim loại; Công nghệ kỹ thuật hoá học; Công nghệ vật liệu	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật y sinh.	- Khoa học vật liệu đại cương - Vật lý lượng tử - Kỹ thuật hóa học	3 3 3

Đối với các ngành đào tạo không có trong danh mục trên, Nhà trường sẽ xem xét ra quyết định dựa vào thông tin trong bằng và bảng điểm đại học của thí sinh.